

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP SỰ PHẠM RÈN LUYỆN KĨ NĂNG TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TOÁN

• ThS. BÙI THỊ HẠNH LÂM

*Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên*

**Đ**ể đảm bảo vai trò chủ thể thực sự của người học trong quá trình dạy học (DH), bên cạnh việc đổi mới về phương pháp DH, chúng ta cần phải đổi mới về đánh giá (ĐG), theo hướng kết hợp ĐG của giáo viên (GV) với tự đánh giá (TĐG) kết quả học tập của học sinh (HS). TĐG giúp cho người học biết điểm mạnh và điểm yếu trong kiến thức, KN và thái độ học tập của bản thân để có thể tự điều chỉnh sao đạt mục tiêu, nhiệm vụ học tập. Do đó, TĐG giúp cho người học học tập tích cực, chủ động, tự giác và là một trong những KN quan trọng của HS trong thế kỉ 21. Vì vậy, rèn luyện kĩ năng (KN) TĐG nói chung và KN TĐG kết quả học tập môn Toán nói riêng ở trường là cần thiết và quan trọng. Với mục tiêu là rèn luyện các KN TĐG kết quả học tập môn Toán của HS trung học phổ thông, trên cơ sở các nhóm KN đã xác định (xem bài báo số 209, Tạp chí Giáo dục kì 1-3/2009) chúng tôi đã đề xuất các nhóm biện pháp sự phạm và bước đầu tiến hành thực nghiệm sự phạm.

## 1. Mục đích thực nghiệm:

Chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm (TN) nhằm kiểm nghiệm tính khả thi của mô hình các KN cơ bản về TĐG KQHT của HS; kiểm nghiệm tính khả thi và tính hiệu quả của một số biện pháp (BP) sự phạm đã đề xuất.

## 2. Đối tượng thực nghiệm:

Chúng tôi đã tiến hành TN việc rèn luyện KN TĐG kết quả học tập (KQHT) môn Toán một cách độc lập ở hai đối tượng HS khác nhau, lớp 10A2 (học theo chương trình nâng cao) và 10A7 (học theo chương trình chuẩn) ở trường THPT Chu Văn An, tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời qua đó cũng ĐG việc thực hiện các BP trên hai đối tượng GV có trình độ khác nhau, GV dạy lớp 10A2 là GV dạy giỏi (hiệu phó phụ trách chuyên môn), GV dạy lớp 10A7 là GV có trình độ chuyên môn bình thường. Cả hai GV có số năm kinh nghiệm gần như nhau.

## 3. Nội dung thực nghiệm:

Mục đích TN là rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT

môn Toán của HS nên có thể thực hiện trên bất cứ nội dung học tập nào, vì vậy chúng tôi không cần chú ý lựa chọn nội dung TN mà chúng tôi TN trên cơ sở thực tế DH ở trường phổ thông.

Lớp 10A2, chúng tôi TN 11 tiết chương 6 “Góc lượng giác và công thức lượng giác” (Đại số 10) và 5 tiết chương 3 “Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng” (Hình học 10).

Lớp 10A7, chúng tôi TN 8 tiết chương 6 “Góc lượng giác và cung lượng giác” (Đại số 10).

Bộ công cụ gồm: bài soạn, biên bản ghi lại giờ dạy của người TN, phiếu học tập, phiếu hướng dẫn tự học ở nhà, phiếu câu hỏi TĐG sau giờ học, máy tính, máy chiếu...

Các nhóm KN TĐG kết quả học tập đã đề xuất

Nhóm 1: Nhóm KN TĐG tiềm năng bản thân. Nhóm này gồm các KN: KN1 là KN TĐG tiềm năng; KN2 là KN TĐG về phong cách học; KN3 là KN TĐG về tiềm năng trí tuệ và tâm lí.

Nhóm 2: Nhóm KN TĐG về động cơ, thái độ, ý thức học tập. Nhóm này gồm một KN gọi là KN 4.

Nhóm 3: Nhóm KN TĐG về việc tổ chức việc học tập. Nhóm này gồm các KN: KN5 là KN TĐG việc xây dựng và thực hiện kế hoạch; KN6 là KN TĐG khâu tổ chức việc học ở nhà.

Nhóm 4: Nhóm KN TĐG việc lĩnh hội kiến thức, vận dụng KN. Nhóm này gồm KN: KN7 là KN TĐG việc học các nội dung khi gặp mặt với thầy; KN 8 là KN TĐG mức độ đạt được nội dung môn học khi không gặp mặt với thầy; KN 9 là KN TĐG mức độ đạt được và sự tiến bộ về kiến thức, KN sau khi học.

Khi TN, chúng tôi phân chia các biện pháp TN như sau: BP 1. Giúp người học hiểu về vị trí, vai trò của TĐG trong học tập; BP 2. Giúp người học hiểu về các KN TĐG trong học tập; BP 3. Rèn luyện cho người học các thao tác cần thiết để TĐG; BP 4. Giúp HS biết TĐG trong toàn bộ quá trình bài học, thông qua các tình huống điển hình trong dạy học môn Toán; BP 5. Xây dựng các tình huống điển hình giúp học sinh TĐG KQHT

môn Toán; BP 6. Giúp HS cách phối hợp các hình thức để TĐG KQHT (nhờ thảo luận nhóm, thông qua phiếu học tập,...); BP 7. Giúp HS cách tự đặt ra câu hỏi trọng tâm sau mỗi nội dung học tập để TĐG; BP 8. Bồi dưỡng GV về ĐG và đổi mới kiểm tra, ĐG KQHT của HS từ đó giúp GV biết hướng dẫn HS TĐG trong toàn bộ quá trình dạy học; BP 9. Đào tạo sinh viên sư phạm biết về ĐG KQHT của HS, từ đó định hướng thiết kế và DH theo hướng giúp HS TĐG.

Với cách phân chia đó, chúng tôi TN được 8 BP đầu nhằm rèn luyện cho HS từ KN 3 đến KN 8 trong nhóm các KN TĐG. BP 9, KN 1 và KN 2 chưa có điều kiện TN.

#### 4. Cách tiến hành thực nghiệm

Ở mỗi lớp, chúng tôi soạn mẫu hai giáo án đầu tiên, phiếu hướng dẫn học ở nhà, phiếu câu hỏi TĐG sau bài học và hướng dẫn GV cách thực hiện theo đúng ý đồ TN. Các giáo án tiếp theo yêu cầu các GV tự soạn và thông qua trước khi dạy. Yêu cầu GV dạy TN trao đổi kĩ với chúng tôi về nội dung và ý đồ sư phạm của các giáo án

trước khi dạy và dự giờ tất cả các tiết dạy TN. Sau mỗi tiết dạy đều trao đổi rút kinh nghiệm, điều chỉnh cho tiết sau. Với cách TN đó chúng tôi đã thu được kết quả sau:

#### 5. Kết quả thực nghiệm

Mục đích của chúng tôi là thu thập kết quả rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT môn Toán của HS nên chúng tôi chỉ đánh giá sự thể hiện KN đó thông qua phiếu học tập, phiếu câu hỏi TĐG, qua dự giờ, trao đổi với GV, HS. Chúng tôi không ĐG điểm số của HS nên không dùng các bài kiểm tra.

Với cách thu thập và xử lí số liệu như trên chúng tôi thu được kết quả sau:

##### 5.1. Kết quả định lượng

##### 5.1.1. Kết quả định lượng về việc rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT của HS

Kết quả định lượng về việc rèn luyện KN TĐG của HS của lớp 10A7 ở bảng 3.1 dưới đây.

Như vậy, đối với lớp 10A7, chúng tôi đã thực hiện rèn luyện KN 2 được 2 lần, KN 3 được 12 lần, KN 4 được 18 lần, KN 5 được 19 lần, KN 6

Bảng 3.1: Bảng thống kê việc rèn luyện KN TĐHT của lớp 10A7

	Tiet 1		Tiet 2		Tiet 3		Tiet 4		Tiet 5		Tiet 6		Tiet 7		Tiet 8	
	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt
<b>KN1</b>																
<b>KN2</b>	1	48	1	47												
<b>KN3</b>	2	40	1	50	2	48	1	62	2	75	1	64	1	82	2	80
<b>KN4</b>	3	50	3	57	1	66	3	64	2	70	2	75	2	84	2	89
<b>KN5</b>	3	64	3	62	3	77	2	70	2	77	2	84	2	82	2	86
<b>KN6</b>	3	64	3	59	3	75	2	62	2	84	2	77	2	82	2	89
<b>KN7</b>	4	62	3	66	2	73	3	57	3	75	3	82	3	80	3	84
<b>KN8</b>	3	57	3	64	2	77	3	64	3	80	3	82	3	77	3	82

Chú thích kí hiệu trong các bảng

KN: Kĩ năng SL: số lần T: tốt K: khá TB: trung bình Đ: Đại số H: Hình học  
% HS đạt: phần trăm HS đạt được KN

Bảng 3.2: Bảng thống kê việc rèn luyện KN TĐHT của lớp 10A2

	Tiet 1 (Đ1)		Tiet 2 (Đ2)		Tiet 3 (H1)		Tiet 4 (Đ3)		Tiet 5 (Đ4)		Tiet 6 (H2)		Tiet 7 (Đ5)		Tiet 8 (Đ6)		Tiet 9 (H3)	
	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt
<b>KN 1</b>																		
<b>KN 2</b>	1	80					1	83										
<b>KN 3</b>	2	63	2	67	2	63	2	78	1	76	1	85	2	63	2	70	2	74
<b>KN 4</b>	2	74	2	76	3	83	2	76	2	76	2	89	2	74	2	72	2	74
<b>KN 5</b>	3	87	2	85	2	93	1	87	2	76	2	87	2	80	2	87	2	83
<b>KN 6</b>	2	67	2	85	2	91	1	87	2	72	2	80	2	76	2	72	2	85
<b>KN 7</b>	3	87	2	89	2	75	1	83	3	83	2	89	1	85	1	80	2	85
<b>KN 8</b>	4	96	3	91	2	96	3	89	2	76	2	87	2	83	2	96	2	96

được 19 lần, KN 7 được 24 lần, KN 8 được 23 lần.

Kết quả định lượng về việc rèn luyện KN TĐG của HS của lớp 10A2 thể hiện ở bảng 3.2 và bảng 3.3.

5.1.2. Kết quả định lượng về việc thực hiện các biện pháp rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT cho HS của GV

Kết quả định lượng về việc thực hiện các BP rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT cho HS của GV lớp

Bảng 3.3: Bảng thống kê việc rèn luyện KN TĐHT của lớp 10A2

	Tiet 10 (Đ7)		Tiet 11 (Đ8)		Tiet 12 (H4)		Tiet 13 (Đ9)		Tiet 14 (Đ10)		Tiet 15 (H5)		Tiet 16 (Đ11)	
	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt	SL	% HS đạt
KN1														
KN2			1	74					1	80	1	85	1	89
KN3	1	78	2	83	2	67	2	83	1	87	2	85	2	91
KN4	1	83	2	85	1	67	2	80	1	85	1	83	1	89
KN5	2	85	1	87	2	59	2	91	2	85	1	85	2	87
KN6	2	85	1	83	2	59	2	91	2	83	1	85	2	93
KN7	2	87	2	87	1	83	3	87	2	87	2	87	2	89
KN8	2	85	2	89	3	67	4	96	3	93	4	89	2	93

Đối với lớp 10A2, chúng tôi đã thực hiện rèn luyện KN 2 được 6 lần, KN 3 được 28 lần, KN 4 được 28 lần, KN 5 được 30 lần, KN 6 được 29 lần, KN 7 được 31 lần, KN 8 được 42 lần.

Qua các bảng trên ta thấy nhìn chung hầu hết các tiết học ở cả hai lớp đều có thể rèn luyện cho HS các KN 3, KN 4, KN 5, KN 6, KN 7, KN 8 bởi đây là các KN gắn bó rất chặt chẽ với các hoạt động học tập của HS. KN 2 được rèn luyện ở một số tiết và KN 1 chưa có điều kiện rèn luyện.

Qua bảng 3.1, 3.2 và bảng 3.3 ta thấy nhìn chung tỉ lệ phần trăm HS đạt được các KN này có xu hướng tăng dần, chứng tỏ ở HS các KN đó đã có sự tăng lên đáng kể và việc rèn luyện các KN đó là có tác dụng. Tuy nhiên, số HS đạt được toàn bộ các KN ở tất cả các tiết chưa ổn định, chỉ có HS khá và giỏi là luôn đạt được KN này, HS trung bình và yếu mới chỉ đạt được các KN này ở các bài có nội dung không khó lắm.

Bảng 3.4: Bảng thống kê số lượng học sinh đạt được các KN của lớp 10A2

	Số HS lớp 10A2	Số HS lớp 10A7
KN 1		
KN 2		
KN 3	35	
KN 4	39	21
KN 5	41	23
KN 6	38	22
KN 7	39	27
KN 8	42	23

Số HS đạt được các KN của lớp 10A2 và 10A7 qua đợt TN thể hiện ở bảng 3.4 ở bên.

10A7 thể hiện ở bảng 3.5.

Đối với lớp 10A7, trong cả đợt TN (qua 8 tiết), các GV đã thực hiện được BP 1 là 8 lần, BP 2 là 16 lần, BP 3 là 33 lần, BP 4 là 22 lần, BP 5 là 19 lần, BP 6 là 14 lần, BP 7 là 16 lần, BP 8 là 22 lần.

Kết quả định lượng về việc thực hiện các BP rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT cho HS của GV lớp 10A2 thể hiện ở bảng 3.6 và bảng 3.7.

Đối với lớp 10A2, trong cả đợt TN (qua 16 tiết), các GV đã thực hiện được BP 1 là 16 lần, BP 2 là 26 lần, BP 3 là 35 lần, BP 4 là 47 lần, BP 5 là 37 lần, BP 6 là 31 lần, Đối với lớp 10A2, trong cả đợt TN (qua 16 tiết), các GV đã thực hiện được BP 1 là 16 lần, BP 2 là 26 lần, BP 3 là 35 lần, BP 4 là 47 lần, BP 5 là 37 lần, BP 6 là 31 lần, BP 7 là 31 lần, BP 8 là 46 lần.

Qua các bảng trên ta thấy tám biện pháp sư phạm (BP1, BP 2, BP 3, BP 4, BP 5, BP 6, BP 7, BP 8) đã được thực hiện trong quá trình TN, BP 9 chưa có điều kiện thực nghiệm vì đối tượng TN là HS trung học phổ thông.

Qua đó ta cũng nhận thấy nhìn chung mức độ thực hiện các BP này của GV tốt dần lên, đặc biệt sự tiến bộ trong việc thực hiện các BP này của GV lớp 10A2 thể hiện tốt hơn rõ rệt so với GV lớp 10A7.

Để có thể tham khảo ý kiến của các GV khác về các biện pháp sư phạm chúng tôi đã đề xuất và tình hình thực hiện các BP đó đối với các GV chúng tôi đã sử dụng phiếu trưng cầu ý kiến đối với 125 GV dạy Toán ở trung học phổ thông. Kết quả trưng cầu cho thấy đa số các GV đều nhất trí

Bảng 3.5: bảng thống kê việc GV thực hiện các biện pháp nhằm rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT của HS lớp 10A7

	Tiết 1		Tiết 2		Tiết 3		Tiết 4		Tiết 5		Tiết 6		Tiết 7		Tiết 8	
	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ
BP1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1
BP 2	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2
BP 3	5	T: K: TB: 3	4	T: K: TB: 4	3	T: K: TB: 1	4	T: K: TB: 1	4	T: K: TB: 1	5	T: K: TB: 4	4	T: K: TB: 4	4	T: K: TB: 4
BP 4	3	T: K: TB: 2	3	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 3	3	T: K: TB: 3
BP 5	3	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 3	2	T: K: TB: 2
BP 6	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	1	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	1	T: K: TB: 1
BP 7	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2
BP8	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 2	3	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 3	3	T: K: TB: 2	3	T: K: TB: 3	3	T: K: TB: 3
BP9		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:

Bảng 3.6: bảng thống kê việc GV thực hiện các biện pháp nhằm rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT của HS lớp 10A2

	Tiết 1 (Đ1)		Tiết 2 (Đ2)		Tiết 3 (Đ1)		Tiết 4 (Đ3)		Tiết 5 (Đ4)		Tiết 6 (Đ2)		Tiết 7 (Đ5)		Tiết 8 (Đ6)		Tiết 9 (Đ3)	
	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ
BP 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1
BP 2	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	1	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	1	T: K: TB: 1
BP 3	3	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	3	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2
BP 4	3	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 3	3	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 3	3	T: K: TB: 3	3	T: K: TB: 3	2	T: K: TB: 2
BP 5	3	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 3	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2
BP 6	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	1	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2
BP 7	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 2	1	T: K: TB: 1	2	T: K: TB: 2
BP 8	2	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 2	2	T: K: TB: 1	3	T: K: TB: 2	3	T: K: TB: 2	3	T: K: TB: 3	3	T: K: TB: 3	3	T: K: TB: 3	3	T: K: TB: 3
BP 9		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:



Bảng 3.7: bảng thống kê việc GV thực hiện các biện pháp nhằm rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT của HS lớp 10A2

	Tiet 10 (Đ7)		Tiet 11 (Đ8)		Tiet 12 (Đ4)		Tiet 13 (Đ9)		Tiet 14 (Đ10)		Tiet 15 (Đ5)		Tiet 16 (Đ11)	
	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ	SL	MĐ
BP 1	1	T: K: TB:	1	T: K: TB:	1	T: K: TB:	1	T: K: TB:	1	T: K: TB:	1	T: K: TB:	1	T: K: TB:
BP 2	1	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	1	T: K: TB:	2	T: K: TB:	1	T: K: TB:	1	T: K: TB:
BP 3	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	3	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:
BP 4	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:
BP 5	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:
BP 6	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:
BP 7	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:	2	T: K: TB:
BP 8	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:	3	T: K: TB:
BP 9		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:		T: K: TB:

với các BP đề xuất.

**5.2. Kết quả định tính**

**5.2.1. Kết quả định tính về việc rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT của HS**

Qua TN rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT của HS chúng tôi thấy số lượng HS đạt được các KN của các lớp nhìn chung có sự tăng lên, đặc biệt đối với lớp 10A2 do HS chủ yếu là HS khá, giỏi nên các em rất nhanh hiểu và nhanh chóng có được các KN đó, trong khi đó vì lớp 10A7 là lớp chủ yếu là HS trung bình khá, trung bình và yếu nên các em tiếp thu chậm hơn, GV phải khá vất vả trong việc hình thành các KN đó cho các em.

Để HS TĐG được chính xác, chúng tôi làm mẫu rubric để giúp HS TĐG, sau đó hướng dẫn và yêu cầu HS tự xây dựng rubric để TĐG. Độ thành thực về KN TĐG của HS cũng được nâng dần lên qua từng tiết, từng bài.

Những phiếu học tập sau việc TĐG của các em đã có sự tiến bộ rõ rệt. Sự tiến bộ này của HS đã được theo dõi bằng các biểu đồ 3.3, 3.4. Một điều chúng tôi nhận thấy rõ là các em HS đều rất hào hứng, phấn khởi khi kết quả ĐG của họ gần với kết quả ĐG của GV.

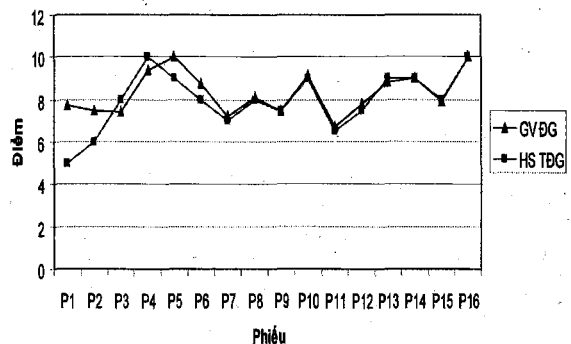
Để thấy rõ sự phát triển KN TĐG này ở HS chúng tôi còn sử dụng loại bài tập chấm điểm lời giải theo đáp án và biểu điểm cho sẵn, rèn luyện loại bài tập này rất quan trọng để HS có thể TĐG

về bài làm của mình. Qua TN chúng tôi nhận thấy HS rất thích đóng vai trò GV trong việc nhận xét, ĐG bài làm, câu trả lời của bạn, chấm điểm. Do đó, nếu GV chú ý rèn luyện cho HS biết đặt ra tiêu chí khi nhận xét, ĐG sẽ góp phần giúp cho KN TĐG của các em được nâng lên.

Việc rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT giúp cho HS mạnh dạn, tự tin hơn khi đưa ra nhận xét về người khác và về bản thân mình.

Việc rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT giúp cho HS tự xác định được mức độ kiến thức, KN của bản thân trên cơ sở đó họ có kế hoạch điều chỉnh việc học tập của chính bản thân sao cho đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ học tập. Do chỉ TN hơn một

Biểu đồ 3.3: Biểu đồ trắc nghiệm của Nguyễn Thị Ngọc Ánh - 10A2



tháng nên chúng tôi không có ý định ĐG sự ảnh hưởng của việc rèn luyện KN TĐG KQHT đối với việc cải thiện và nâng cao KQHT của HS. Tuy nhiên, qua trao đổi với các GV bộ môn Toán của hai lớp và trên cơ sở kết quả điểm tổng kết của các em chúng tôi cũng nhận thấy rõ ràng kết quả thi học kì II của các em có sự tiến bộ rõ rệt so với kì I. Khi trao đổi với GV dạy toán hai lớp các GV cho rằng do các em có được KN TĐG nên các em tự điều chỉnh tốt hơn được việc học trước khi kiểm tra (kiểm tra miệng và bài kiểm tra một tiết cuối) và thi nên kết quả thi, kiểm tra của một số em trong lớp đã có sự thay đổi đáng kể.

Ở phần kết quả định lượng chúng ta thấy số lượng HS đạt được toàn bộ KN chưa thật sự tăng lên. Nguyên nhân được biết là do mức độ khó của các bài không như nhau nên có bài HS làm được và TĐG được các bài làm của mình rất tốt nhưng có bài thì các em chưa chắc chắn lắm do kiến thức bài đó khó hơn. Một nguyên nhân khác quan nữa chúng tôi thấy là HS bị chi phối bởi các yếu tố khác như còn phải tập trung cho việc học môn khác vì buổi sau có kiểm tra một tiết. Vì chúng tôi không có điều kiện thực nghiệm trong thời gian dài, số lượng các kĩ năng khá nhiều nên số lượng bài tập và câu hỏi để rèn luyện kĩ năng TĐG cho các em cũng tương đối lớn, do đó các em cũng đã phải rất nỗ lực để hoàn thành các nhiệm vụ học tập và chúng tôi cũng đã gặp phải một số khó khăn như đã nói ở trên. Nếu chúng ta chú trọng đến việc rèn luyện này thường xuyên với số lượng KN ít hơn thì HS sẽ được "ngấm dần" và GV cũng sẽ đỡ vất vả hơn.

### *5.2.2. Kết quả định tính về việc thực hiện các biện pháp rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT cho HS của GV*

Qua bảng 3.5, 3.6, 3.7 ở trên cho thấy việc thực hiện các BP của GV của cả hai lớp có sự tốt dần lên ở các giáo án sau bởi họ đã nắm vững và quen hơn cách soạn, cách dạy này. Tuy nhiên, một số bài nội dung khá dài, GV còn lo dạy kịp thời gian nên việc thực hiện các BP còn chưa tốt lắm. Trong giờ học, khi thảo luận nhóm ở nội dung cũng cố khái niệm, khi các nhóm nhận xét câu trả lời của nhóm bạn GV không yêu cầu HS giải thích vì sao các em cho là đúng hay sai.

Các GV dạy TN đều rất hào hứng trong quá trình dạy TN và cho rằng với cách soạn và dạy theo định hướng rèn luyện KN TĐG này bài học rất logic, HS hiểu bài hơn, không khí học tập sôi

nổi hơn, HS tự tin hơn khi trình bày một vấn đề, khi tranh luận, ĐG về bạn hay về bản thân. Hơn nữa, việc thực hiện các BP rèn luyện KN TĐG là không khó khăn, không ảnh hưởng đến nội dung, cấu trúc và tiến độ bài học. Tuy nhiên, các GV cũng nhận thấy việc soạn các giáo án theo hướng này rất công phu, mất khá nhiều thời gian đặc biệt là việc thiết kế các phiếu hướng dẫn học ở nhà và phiếu câu hỏi TĐG. Để khắc phục những khó khăn trên chúng tôi đề nghị trong quá trình giảng dạy GV nên rèn luyện các KN này cho HS một cách đều đặn, khi đó mỗi tiết GV chỉ phải thực hiện một vài BP, nhiệm vụ phiếu hướng dẫn học ở nhà sẽ ngắn hơn, HS có thể chép hoặc GV có thể đưa lên mạng để HS làm, để giảm công sức, thời gian và chi phí.

Qua TN chúng tôi nhận thấy việc thực hiện các BP rèn luyện kĩ năng TĐG KQHT cho HS chịu ảnh hưởng khá lớn bởi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Với những GV có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng họ có khả năng nắm bắt và thực hiện nhanh chóng, chính xác các BP này, với những GV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hạn chế cần phải được tập huấn, trao đổi rất chi tiết, kĩ lưỡng.

Ban giám hiệu và tổ trưởng chuyên môn của trường TN đều nhận thấy việc rèn luyện KN TĐG cho HS là hết sức cần thiết, rất tán thành với việc rèn luyện KN TĐG này cho HS và rất mong hưởng nghiên cứu này sớm được đưa ra triển khai, tập huấn cho các GV.

### **6. Kết luận chung về thực nghiệm**

Qua TN sư phạm chúng tôi rút ra một số kết luận sau: một số KN cơ bản về TĐG KQHT của HS là có thể hình thành và rèn luyện được thông qua những BP sư phạm đã đề xuất. Các BP sư phạm đó không chỉ giúp HS có được KN TĐG mà còn giúp cho HS học tập tích cực, tự giác hơn, đạt được tốt hơn các mục tiêu của bài học cũng như các KN học tập quan trọng khác, KN hợp tác, KN của tư duy phê phán... Qua TN, các GV tham gia dạy TN tự nhận thấy họ không những nắm được cách rèn luyện KN TĐG cho HS mà còn có sự thay đổi thực sự trong nhận thức và hành động của việc đổi mới phương pháp DH.

Mặc dù còn một số khó khăn trong TN nhưng nhìn chung mục đích của đợt TN đã được hoàn thành và kết quả TN đã khẳng định được phần nào tính hiệu quả và tính khả thi của các BP sư

phạm đề xuất trong thực tiễn DH ở trường trung học phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Assessment Rubrics. Nguồn: [http:// edtech. Kenne-saw.edu/intech/rubrics.html](http://edtech.kennesaw.edu/intech/rubrics.html)
2. Association for Achievement and Improvement through Assessment.  
Nguồn: <http://www.aaia.org.uk>.
3. <http://www.edfac.unimelb.edu.au/arc>.
4. Robert J.Marzano- Debra J.Pickering –Jane e. Pol-lock, *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, NXB Giáo dục, Hà nội, 2005.

5. Xavier Roegiers, *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường* (sách dịch), NXB Giáo dục, Hà nội, 1996.

SUMMARY

*For drilling of self-assessment in mathematics for secondary students, the author discusses some pedagogical measures for checking the effectiveness, feasibility and initial pedagogical tryouts with steps: objective setting, tryout subjects, content, methods and (qualitative and quantitative) results.*

**TIẾP CẬN DẠY HỌC...** (Tiếp theo trang 25)

mong muốn có một đóng góp nhỏ cho công cuộc đổi mới giáo dục phổ thông ở nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Charles C. Bonwell and James A. Eison: *Active Learning: Creating Excitement in the Classroom* - <http://www.ntlf.com/html/lib/bib/91-9dig.htm>
2. Wilbert J. McKeachie: *Active Learning* - [http://courses.science.fau.edu/~rjordan/active\\_learning.htm](http://courses.science.fau.edu/~rjordan/active_learning.htm)
3. New Zealand Curriculum Online: *Mathematics standards* - <http://nzcurriculum.tki.org.nz/National-Stan->

*dards/Mathematics-standards*

4. Active Learning Defined - <http://www.nwlink.com/~Donclark/hrd/learning/active.html>.

SUMMARY

*Active teaching is a teaching in which students play a central role. In this article the author presents active teaching approaches in schools, in particular teaching Grade 11 statistics, steps to develop new knowledge: preparation by the teacher; guidance in the classroom; forming and consolidating new knowledge.*

**PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ...** (Tiếp theo trang 30)

hưởng rất lớn đến sự phát triển toàn diện của trẻ và các hoạt động trong đời sống hàng ngày. Tuy nhiên, nhờ có quy luật bù trừ chức năng và những khả năng còn tiềm ẩn, nếu được chăm sóc, giáo dục phù hợp trẻ khiếm thị vẫn có thể phát triển ngang bằng với mọi trẻ em và trở thành những công dân độc lập.

Phát triển ngôn ngữ và lời nói là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục cho trẻ khiếm thị; phát triển ngôn ngữ và lời nói là phát triển một trong những kĩ năng cơ bản (mang tính nền tảng) quan trọng nhất để trẻ phát triển nhận thức cũng như thực hiện các nhu cầu sống, đồng thời ngôn ngữ và lời nói còn đóng vai trò bù trừ chức năng nhằm bổ sung, chính xác hoá các thông tin mà trẻ bị thiếu hụt do tật khiếm thị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Mục (Chủ biên), Lê Thị Thuý Hằng, Lê Sinh Nha, Phạm Toàn, *Giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thị cấp tiểu học*, NXB Lao động, 2006.
2. Phạm Minh Mục, *"Tiếp cận giáo dục cá nhân - biện*

*pháp nâng cao khả năng học tập của trẻ khiếm thị tiểu học"*, Tạp chí Khoa học giáo dục số 23, 2007.

3. Best A, *Teaching children with visual impairments*, Buckingham, England: Open University, 1995.
4. Bishop, Virginia E, *Teaching visally impaired children*, Illinois USA, 1995.
5. Bhushan Punani, Nandini Rawal, *Visual impairment handbook*, India Published, 1993.
6. Cay M., *Children with visual impairment*, David Fulton published, 1995.
7. Catherine Clark, Alan Dyson and Aln Millward, *Towards inclusive schools*, David fulton publishers, London, 1995.

SUMMARY

*The article addresses the language and speech development by preschool vision impaired children. The author discusses: 1/ role of vision in language development; 2/ the stage of language development by vision-impaired children, 3/ some measures for language development by preschool vision impaired children.*